

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH KON TUM
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020
của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân
bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và các
văn bản pháp luật có liên quan;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ
tướng Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Xét Tờ trình số 139/TTr-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban
nhân dân tỉnh Kon Tum; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh Kon Tum; Báo cáo số 389/BC-UBND ngày 05 tháng 12 năm
2020, số 392/BC-UBND ngày 07 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về tiếp thu, giải trình ý kiến thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân, ý kiến
thảo luận Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về nguyên tắc, tiêu
chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn
2021 - 2025 tỉnh Kon Tum.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum Khóa XI Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận: 

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu Quốc hội;
- Bộ Tư pháp (*Cục kiểm tra văn bản QPPL*);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (*Vụ Pháp chế*);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HĐND-UBND các huyện, thành phố;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Kon Tum;
- Đài PT-TH tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

CHỦ TỊCH




Nguyễn Văn Hòa

**QUY ĐỊNH
NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỐ
VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 63 /2020/NQ-HĐND
ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định này quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 tỉnh Kon Tum.

2. Đối tượng áp dụng:

- Các sở, ban, ngành và các đơn vị thuộc tỉnh; các huyện, thành phố và các đơn vị khác sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước tỉnh Kon Tum (sau đây gọi tắt là các sở, ban, ngành, địa phương).

- Cơ quan, tổ chức cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến việc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

Thực hiện đúng theo quy định tại Điều 3 Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước được bố trí cho các đối tượng được quy định tại Điều 5 Luật Đầu tư công và được phân theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

1. Nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 và hằng năm thực hiện theo quy định tại Điều 4 của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

2. Trong quá trình điều hành ngân sách nhà nước, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách nhà nước sử dụng theo quy định tại Điều 59 của Luật Ngân sách nhà nước, đối với phần vốn dành cho đầu tư phát triển (nếu có) báo cáo cấp có thẩm quyền cho phép ưu tiên bố trí để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, thu hồi vốn ứng trước có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn địa phương theo quy định.

3. Đối với các huyện, thành phố thực hiện việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 theo các nguyên tắc chung quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này và các nguyên tắc sau đây:

a) Các huyện, thành phố phải bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và trả các khoản nợ vay đến hạn; phần còn lại bố trí cho các dự án hoàn thành, đối ứng các dự án sử dụng vốn Chương trình mục tiêu theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự án chuyển tiếp. Số vốn còn lại (nếu có) mới được phép bố trí khởi công các dự án mới.

b) Khi chưa bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản, trả nợ vay đến hạn, bố trí cho các dự án hoàn thành, chuyển tiếp... các huyện, thành phố không được bố trí kế hoạch đầu tư trung hạn để khởi công các dự án mới.

Điều 4. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

1. Về cơ cấu phân bổ nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương giữa các cấp ngân sách

a) Phân cấp cân đối và hỗ trợ cho ngân sách cấp huyện không quá 45% (số phân bổ thực hiện).

b) Mức vốn còn lại được phân bổ như sau:

- Phân bổ đầu tư các dự án do cấp tỉnh quản lý theo ngành, lĩnh vực và thực hiện theo các nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Quy định này.

- Phân bổ cho nhiệm vụ Quy hoạch tỉnh, các nhiệm vụ, chương trình, dự án cấp bách, chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư, dự án đầu tư công khẩn cấp và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn.

2. Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương

a) Kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương (không bao gồm số thu sử dụng đất, xổ số kiến thiết, bội chi ngân sách địa phương) giai đoạn 2021-2025 được tính trên tốc độ tăng bình quân chung từ 5% - 6%. Riêng kế hoạch vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2021 được xây dựng phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước, dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương (nếu có), phù hợp với định hướng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 và mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể phát triển kinh tế - xã hội của năm 2021; kết quả thực hiện dự toán ngân sách của địa phương năm 2019, ước thực hiện năm 2020. Định hướng này được áp dụng để xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025; Số vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương thực tế các năm giai đoạn 2021-2025 do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định và phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước.

b) Trong quá trình thực hiện, đối với các địa phương thực hiện tăng thu thì nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương hằng năm sẽ bố trí tăng theo tỷ lệ tương ứng, nhưng đảm bảo tỷ lệ số vốn phân cấp bổ sung thêm cho cấp huyện không vượt tỷ lệ vốn được trung ương giao tăng thêm cho tỉnh Kon Tum.

Điều 5. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn cân đối ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố

1. Nguyên tắc xây dựng tiêu chí và định mức phân bổ

a) Phải đảm bảo phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công và Luật ngân sách nhà nước.

b) Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách địa phương cho các huyện, thành phố thực hiện cho cả giai đoạn 2021 - 2025;

c) Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển các trung tâm chính trị, kinh tế của cả tỉnh, các vùng kinh tế trọng điểm, với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, biên giới, vùng đồng bào dân tộc và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh;

d) Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển;

đ) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển;

e) Mức vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách huyện, thành phố năm 2021 ổn định như dự toán năm 2020 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh giao.

2. Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các huyện, thành phố

Tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách*) cho các huyện, thành phố gồm 5 nhóm sau đây:

a) Tiêu chí dân số, gồm: Dân số trung bình và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thành phố.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: Tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách*).

c) Tiêu chí diện tích tự nhiên của các huyện, thành phố.

d) Tiêu chí về đơn vị hành chính, gồm: Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn (*gọi chung là xã*); số xã khu vực I, II, III; số thôn, làng, tổ dân phố (*gọi chung là thôn*) của từng huyện, thành phố

đ) Các tiêu chí bổ sung, gồm: Xã ATK vùng căn cứ kháng chiến và xã biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia.

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số chung: bao gồm tổng số dân số và số người dân tộc thiểu số năm 2019. Cách tính cụ thể như sau:

- Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Số dân	Điểm
Dưới 40.000 người, được tính	10
Từ 40.000 người trở lên, cứ tăng thêm 5.000 người, được thêm	0,2

Dân số trung bình của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019.

- Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Số dân	Điểm
Dưới 10.000 người là dân tộc thiểu số, được tính	1
Từ 10.000 người trở lên, cứ tăng thêm 1.000 người, được thêm	0,2

Dân số là người dân tộc thiểu số của các địa phương để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2019.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển, bao gồm 2 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo và số thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách*).

- Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Cứ 01% hộ nghèo, được tính	0,3

Tỷ lệ hộ nghèo của các huyện, thành phố được xác định căn cứ số liệu thực hiện năm 2019 của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Điểm của tiêu chí thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách*).

Thu nội địa	Điểm
Dưới 50 tỷ đồng, được tính	3
Từ 50 tỷ đồng đến dưới 100 tỷ đồng, được tính	2
Từ 100 tỷ đồng trở lên, được tính	1

Số thu nội địa ngân sách huyện, thành phố được hưởng (*không bao gồm số thu sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và các khoản thu quản lý qua ngân sách*) được xác định theo số dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

c) Tiêu chí diện tích tự nhiên

Diện tích tự nhiên	Điểm
Từ 50 nghìn ha trở xuống, được tính	3
Trên 50 nghìn ha trở lên, cứ 10 nghìn ha tăng thêm được cộng thêm	0,1

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Từ 10 xã trở xuống, được tính	3
Trên 10 xã, cứ mỗi xã tăng thêm, được cộng thêm	0,3
Mỗi xã khu vực I, được cộng thêm	0,1
Mỗi xã khu vực II, được cộng thêm	0,2
Mỗi xã khu vực III, được cộng thêm	0,3

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp thôn:

Đơn vị hành chính cấp thôn	Điểm
Từ 50 thôn trở xuống, được tính	1
Trên 50 thôn, cứ 5 thôn tăng thêm, được cộng thêm	0,1

Số đơn vị hành chính cấp xã, thôn căn cứ theo số liệu của Sở Nội vụ cung cấp.

đ) Tiêu chí bổ sung

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã thuộc vùng ATK, được cộng thêm	0,3
Mỗi xã biên giới Việt Nam - Lào và Việt Nam - Campuchia được cộng thêm	0,3

4. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thành phố và tổng số điểm của 10 huyện, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo phương thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số của một huyện bằng số điểm của dân số cộng với số điểm của số dân tộc thiểu số huyện đó.

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển của một huyện bằng số điểm của tiêu chí tỷ lệ nghèo cộng số điểm của tiêu chí thu nội địa (*không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách*).

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính của một huyện, bằng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã chung, cộng với số điểm của tiêu chí đơn vị

hành chính cấp xã theo khu vực (I, II, III) cộng với số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp thôn của huyện đó.

- Điểm của tiêu chí bổ sung của một huyện, bằng số điểm của tiêu chí số xã ATK vùng căn cứ kháng chiến cộng với số điểm của tiêu chí số xã biên giới.

- Tổng số điểm của huyện bằng số điểm của tiêu chí dân số, cộng với số điểm của tiêu chí trình độ phát triển, cộng với số điểm của tiêu chí diện tích, cộng với số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính và cộng với điểm của tiêu chí bổ sung của huyện đó.

- Tổng số điểm của tỉnh bằng tổng số điểm của 10 huyện thành phố.

b) Số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ được tính theo phương thức sau: Lấy tổng số vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách cho các huyện thành phố (không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách) chia cho tổng số điểm của 10 huyện, thành phố.

c) Tổng số vốn đầu tư phát triển cân đối ngân sách của từng huyện, thành phố được tính bằng số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ nhân với tổng số điểm của huyện, thành phố đó.

d) Điều chỉnh bất hợp lý: Sau khi phân bổ theo các tiêu chí và định mức trên, đối với các huyện, thành phố có vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất, thu xuất nhập khẩu và số thu quản lý qua ngân sách) năm 2022 thấp hơn kế hoạch năm 2021 do Hội đồng nhân dân tỉnh giao sẽ được điều chỉnh bằng số vốn đầu tư trong cân đối kế hoạch năm 2021.

5. Đối với các khoản đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

Thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và tỷ lệ điều tiết do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tại địa phương và tạo nguồn vốn để giải phóng mặt bằng cho đầu tư phát triển.

Điều 6. Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn ngân sách cấp tỉnh cho các khoản hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách các huyện, thành phố

1. Nguyên tắc chung

a) Phải tuân thủ các nguyên tắc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án; điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được quy định tại Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và văn bản chỉ đạo điều hành của Trung ương, của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh về đầu tư công trong giai đoạn 2021-2025.

b) Thực hiện theo đúng nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình nêu tại Điều 3 Quy định này.

c) Các dự án sử dụng nguồn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh đều phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và thẩm định về

nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm, các dự án phải có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn (*trừ dự án đầu tư công khẩn cấp*) và có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho các huyện, thành phố trong giai đoạn 2021 – 2025, cụ thể:

a) Hỗ trợ có mục tiêu để thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới

(1) Phạm vi hỗ trợ: Các huyện, thành phố và xã thuộc các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

(2) Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ cho các huyện, thành phố xây dựng đạt chuẩn huyện nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới; Hỗ trợ các xã xây dựng các tiêu chí để đạt chuẩn xã nông thôn mới, các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí, các xã phấn đấu đạt nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao. Trong đó, ưu tiên đầu tư các công trình giáo dục (*nâng cấp, sửa chữa, xây dựng mới các công trình trường, lớp học ...*).

(3) Nguyên tắc, mức vốn hỗ trợ:

- Nguyên tắc: Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại khoản 1 Điều này.

- Mức vốn hỗ trợ giai đoạn 2021-2025:

+ Hỗ trợ mỗi huyện, thành phố đạt chuẩn nông thôn mới hoặc hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới: Mức vốn hỗ trợ 10 tỷ đồng/huyện (*thành phố*).

+ Hỗ trợ các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2021-2025: Mức vốn hỗ trợ 2,5 tỷ đồng/xã.

+ Hỗ trợ các xã chưa đạt chuẩn nông thôn mới: Mức vốn hỗ trợ 1,5 tỷ đồng/xã.

+ Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới để củng cố các tiêu chí đã đạt chuẩn, các xã phấn đấu đạt nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới nâng cao: Mức vốn hỗ trợ 1,0 tỷ đồng/xã.

b) Hỗ trợ có mục tiêu phát triển các vùng kinh tế động lực

(1) Phạm vi hỗ trợ: Các vùng kinh tế động lực được Tỉnh ủy xác định.

(2) Đối tượng hỗ trợ: Các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương, có tính kết nối, lan tỏa, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư trên địa bàn.

(3) Nguyên tắc, mức vốn hỗ trợ:

- Nguyên tắc: Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại khoản 1 Điều này.

- Mức vốn hỗ trợ cho các vùng kinh tế động lực giai đoạn 2021-2025: 300 tỷ đồng.

- Mức hỗ trợ cho từng vùng kinh tế động lực thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh.

c) Hỗ trợ có mục tiêu phát triển hạ tầng Cụm công nghiệp.

(1) Phạm vi hỗ trợ: Hỗ trợ cho thành phố Kon Tum, huyện Đắk Hà, huyện Đắk Tô đầu tư phát triển hạ tầng Cụm công nghiệp.

(2) Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ cho các địa phương để thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng và đầu tư hệ thống xử lý nước thải, hạ tầng khác tại các cụm công nghiệp.

(3) Nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ:

- Nguyên tắc: Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại khoản 1 Điều này.

- Mức vốn hỗ trợ trong giai đoạn 2021-2025: 30 tỷ đồng/cụm.

d) Hỗ trợ có mục tiêu đầu tư chỉnh trang đô thị.

(1) Phạm vi hỗ trợ và Đối tượng hỗ trợ: Hỗ trợ để thành phố Kon Tum thực hiện công tác chỉnh trang đô thị.

(2) Nguyên tắc, tiêu chí hỗ trợ:

- Nguyên tắc: Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại khoản 1 Điều này.

- Mức vốn hỗ trợ trong giai đoạn 2021-2025: 200 tỷ đồng.

đ) Hỗ trợ đầu tư các dự án cấp bách khác của các địa phương nhưng chưa cân đối được nguồn vốn đầu tư.

(1) Đối tượng hỗ trợ: Các công trình quan trọng, cấp bách do các huyện, thành phố quản lý, thuộc ngân sách huyện thành phố đầu tư theo phân cấp quản lý, nhưng không cân đối được nguồn vốn đầu tư.

(2) Nguyên tắc, mức vốn hỗ trợ:

- Nguyên tắc: Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn hỗ trợ có mục tiêu cho ngân sách huyện, thành phố nêu tại khoản 1 Điều này.

- Mức vốn hỗ trợ bình quân 10 tỷ đồng/huyện, thành phố, trong đó:

+ Đối với các dự án chuyển tiếp: Tiếp tục thực hiện theo mức vốn còn lại đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất chủ trương hỗ trợ.

+ Đối với các dự án mới khởi công trong giai đoạn 2021-2025: Chỉ triển khai thực hiện khi có chủ trương của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 7. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương

1. Nguyên tắc phân bổ vốn

Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương thực hiện theo nguyên tắc quy định tại khoản 1, Điều 8 của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14.

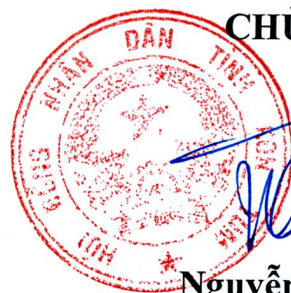
2. Tiêu chí định mức phân bổ vốn

a) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương được phân bổ theo ngành, lĩnh vực quy định tại Điều 2 của Quy định này.

b) Vốn đầu tư công nguồn ngân sách trung ương trong nước bổ sung có mục tiêu cho địa phương được phân bổ cho dự án có quy mô từ nhóm B trở lên (không bao gồm các dự án thuộc chương trình mục tiêu quốc gia).

3. Quy định chuyển tiếp đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho địa phương

Thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Hòa